TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST Ngày 22 tháng 8 năm 2025 V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu

2. Bà Dương Thị Phụng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không có.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025, về việc "*Ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Lê Quốc T, sinh ngày 01/3/1986; địa chỉ số B, khóm M, phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Căn cước công dân: 086086012851

*** Bị đơn:** Huỳnh Thị Yến P, sinh ngày 07/5/1989; địa chỉ số A, đường L, Phường A, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Chứng minh nhân dân: 331530522

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Lê Quốc T trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian ông và bà Huỳnh Thị Yến P tiến tới hôn nhân, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/7/2007.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên bà P tự bỏ nhà đi, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, cuộc sống của ai người đó sống, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Yến P. Về con chung, có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 17/7/2006 và Lê Gia H, sinh ngày 14/12/2009; sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Huỳnh Thị Yến P không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ tại phường L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bị đơn Huỳnh Thị Yến P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà P vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T, Hội đồng xét xử thấy: Ông T và bà P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/7/2007, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho bà P biết việc ông T xin ly hôn nhưng bà P không có ý kiến phản đối, bỏ mặt ông T đơn phương ly hôn. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà P đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, ông T yêu cầu được ly hôn với bà P là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Ông T, bà P chung sống có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 17/7/2006 và Lê Gia H, sinh ngày 14/12/2009, hiện nay cháu B đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; còn cháu H đang sống chung với ông T. Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2025 cho thấy cháu H có nguyện vọng sống với ông T; riêng bà P trong quá trình giải quyết vụ

án, Tòa án thông báo cho bà P biết việc ông T yêu cầu được nuôi con nhưng bà không có ý kiến phản đối. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, nên giao cháu H cho ông T nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Quốc T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Lê Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quốc T. Ông T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Yến P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 14/12/2009 cho ông Lê Quốc T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Riêng cháu Lê Gia B đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Lê Quốc T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007736, ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên ông T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- THA DS VL;
- Các đ/s.
- UBND phường Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long; (số 107, ngày 24/12/2009)
- Lưu: Hồ sơ,…

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Tấn Thành